

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Đ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26/01/2022.

V/v: “Ly hôn và tranh chấp
về con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hoàng Long

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Mạnh Hùng, bà Nguyễn Thị Hương.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy Hằng -Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 254/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về “Ly hôn và tranh chấp về con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2021/QĐXX-ST ngày 13/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đ giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T** - SN: 1971 (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Trần H** - SN: 1972 (vắng mặt không có lý do)

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Khu phố H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2021, quá trình giải quyết nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày: Bà T và ông Trần H tự nguyện yêu thương và về sống chung với nhau từ năm 1994 cho đến nay, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do đã sống lâu với nhau và các con đã lớn lên không làm giấy đăng ký, hai bên có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống thời gian đầu hai vợ chồng hạnh phúc nhưng từ khoảng cuối năm 2016 cho đến nay thì tình cảm giữa bà T và ông H không còn như trước. Lý do mâu thuẫn là do ông H có người phụ nữ khác, về nhà thường hay gây gổ, đánh đập bà T nhưng không có thương tích gì nặng. Ngoài ra, ông H thường hay nhậu nhẹt về chửi mắng, xúc phạm gia đình bà T, đập phá đồ đạc trong nhà, không tôn trọng nhau.

Bà T đã tha thứ nhiều lần để sống chung nhưng ông H vẫn không thay đổi, không thể tiếp tục cuộc sống chung với ông H, nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H.

Quá trình chung sống giữa bà T và ông H có 05 con chung là Trần Thị A- sinh năm 1995, Trần Thị Đào B – sinh năm 1996, Trần Thị Mỹ C – sinh năm 1999, Trần Thị D – sinh năm 2002, Trần Thị Thảo E – sinh năm 2007; về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các con chung đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu tòa án giải quyết, riêng đối với con chung Trần Thị Thảo E, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và cho vay nợ chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã tuân thủ các quy định của thủ tục tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Áp dụng quy định tại Điều 9, 11, 12, 14, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T, không công nhận bà Trần Thị T và ông Trần H là vợ chồng.

Giao con chung Trần Thị Thảo E, sinh ngày 30/03/2007 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về con chung” do bà Trần Thị T khởi kiện. Bị đơn ông Trần H cư trú tại khu phố H, phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt đúng quy định của pháp luật. Ông H dù được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; Căn cứ quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án thành phố Đ tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

[3.1] Bà T và ông H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nay thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, thường hay mâu thuẫn nên bà T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông H.

[3.2] Theo biên bản xác minh ngày 21 tháng 10 năm 2021 thì bà Trần Thị T và ông Trần H đang sinh sống, cư trú tại khu phố Bình Thiện, phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước, giữa bà T và ông H trong quá trình sinh sống tại địa phương có mâu thuẫn gì địa phương không rõ. Đến ngày ngày 27 tháng 10 năm 2021 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an phường N, được cung cấp nội dung: Ông Trần H hiện đang cư trú, sinh sống tại khu phố Bình Thiện, phường N, thành phố Đ, trong quá trình chung sống ở địa phương giữa bà T và ông H có xảy ra mâu thuẫn, cụ thể năm 2021 bà T có hai lần đến Công an phường N trình báo về việc ông H đánh đập bà và các con.

[3.3] Mặt khác, theo biên bản xác minh ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Ủy ban nhân dân phường N qua rà soát hồ sơ lưu trữ từ ngày 1 tháng 6 năm 2007 cho đến nay bà Trần Thị T, sinh năm 1971 và ông Trần H, sinh năm 1972 không đăng ký kết hôn theo quy định tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

[3.4] Như vậy, xác định bà Trần Thị T và ông Trần H chung sống với nhau như vợ chồng, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà T, ông H vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định là vi phạm Luật Hôn nhân và gia đình. Cuộc sống chung có những mâu thuẫn không hàn gắn được, không còn yêu thương nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với ông H. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự theo đúng theo quy định của pháp luật, tạo điều kiện để hai vợ chồng đoàn tụ với nhau, nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà T. Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định “*Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ*” thì yêu cầu của bà T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

[4.1] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông H có 5 con chung là: Trần Thị A - sinh năm 1995, Trần Thị Đào B - sinh năm 1996, Trần Thị Mỹ C - sinh năm 1999, Trần Thị D - sinh năm 2002, Trần Thị Thảo E - sinh ngày 30/3/2007. Các con chung A, B, C, D đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Riêng đối với cháu Trần Thị Thảo E, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi đến khi cháu E trưởng thành. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 10 năm 2021, cháu Trần Thảo E trình bày: “Tôi là con gái ruột của ông Trần H và bà Trần Thị T, nếu ba mẹ ly hôn thì nguyện vọng của tôi là muốn ở với mẹ là bà Trần Thị T.” Xét thấy, ông H biết được các yêu cầu của bà T nhưng không có ý kiến phản hồi, cháu E hiện tại đang ở với bà T và có nguyện vọng được ở với mẹ nên căn cứ quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Trần Thị Thảo E, sinh ngày 30/03/2007 cho bà Trần Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

[4.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho ông H.

[5] Về tài sản chung, cho vay, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 9, 11,12,14, 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Trần H.

[2]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao con chung Trần Thị Thảo E, sinh ngày 30/3/2007 cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục;

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên đều có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con nếu có căn cứ cho rằng mình hoặc bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

[3]. Về tài sản, cho vay và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[4]. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004015 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Bà T đã nộp đủ án phí.

[4]. Quyền kháng cáo: Bà T, ông H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bình Phước;
-VKSND TP. Đồng Xoài;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS TP. Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Bùi Thị Hoàng Long